

Bản án số: 463/2023/DS-PT

Ngày: 14 - 12 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: ông Hà Chí Quốc; bà Võ Thị Hồng Mai.

Thư ký phiên tòa: ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 425/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Phạm Thành Đ**, sinh năm 1978; địa chỉ: **Số nhà B, hẻm B, đường T, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Hùng M**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Số nhà A, đường L, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh**.

Người đại diện hợp pháp của anh **M**: ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm: 1969; địa chỉ: **Số B, đường T, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh** (theo hợp đồng ủy quyền ngày 14-8-2023); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **Huỳnh Thị Ngọc D**, sinh năm: 1985; địa chỉ: **Số C, đường N, khu phố C, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**, vắng mặt.

3.2. Chị Nguyễn Thị Bạch L1, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số nhà B, đường V, khu phố D, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Số nhà A, đường L, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

4. Người kháng cáo: anh Nguyễn Hùng M – bị đơn, chị Nguyễn Thị Bạch L1 – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Thành Đ trình bày:

Ngày 01-6-2022, anh Đ cho anh M vay số tiền 350.000.000 đồng. Anh M vay tiền để trả tiền công nhân và tiền vật tư. Anh M không viết giấy nợ mà viết cho anh G bán xe ô tô biển số 70C-164.52 với giá 800.000.000 đồng nhưng anh M vẫn quản lý sử dụng xe, anh chỉ giữ giấy tay mua bán xe. Do anh M không rành chữ nên anh viết giấy, anh M ký và lấn tay, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng.

Ngày 05-9-2022, anh M mượn tiếp số tiền 250.000.000 đồng, hạn 03 ngày sau trả tiền. Đúng hạn, anh M đã trả cho anh số tiền 250.000.000 đồng.

Ngày 13-9-2022, anh M vay tiếp số tiền 320.000.000 đồng, hạn đến ngày 16-9-2022 trả vốn và lãi cho anh. Anh M tự viết giấy mượn tiền, ký tên và lấn tay đưa cho anh, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Đến hạn, anh M không trả cho anh số tiền này.

Ngày 20-9-2022, anh M tiếp tục hỏi anh để vay số tiền 300.000.000 đồng nhưng anh không có tiền nên không cho vay. Anh có yêu cầu anh M trả tiền lãi của khoản vay trước nhưng anh M trả lời mật khẩu đang bị khóa, khi nào lấy được mật khẩu sẽ chuyển trả tiền lãi cho anh. Từ đó đến nay anh M không trả tiền vốn và lãi cho anh mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu.

Ngày 18-10-2022, anh yêu cầu anh M tìm phương án trả tiền cho anh thì anh M hẹn sẽ bán xe bán tải biển số 70C-164.52 để trả tiền. Anh tìm người bán xe cho anh M giá 675.000.000 đồng. Nhưng do giấy xe của anh M còn nằm trong Ngân hàng nên anh M mượn anh và yêu cầu anh chuyển khoản số tiền 205.000.000 đồng vào số tài khoản 110638377777 tên người hưởng thụ là Công ty TNHH Q để anh M trả tiền Ngân hàng và lấy giấy tờ xe ra. Ngày 14-12-2022, anh đã tiếp tục chuyển vào tài khoản 110638377777 tên người hưởng thụ là Công ty TNHH Q số tiền 395.000.000 đồng với nội dung ghi “Nguyễn Hoàng H CCCD 042072012293 chuyển tiền mua xe ford 70C16452”. Khi quyết toán hóa đơn thì anh M chỉ xuất hóa đơn bán xe là 600.000.000 đồng. Thực tế chiếc xe của anh M bán 675.000.000 đồng nhưng anh M bắt anh phải trả tiền mua xe là 800.000.000 đồng và số tiền này anh M căn trừ vào số tiền 350.000.000 đồng tiền vay ngày 01/6/2022, sau khi tính toán số tiền (mua xe bắt buộc) anh chuyển vào tài khoản của Công ty A M là 600.000.000 đồng, cộng 350.000.000 đồng tiền vay thành 950.000.000 đồng, thừa 150.000.000 đồng và 25.000.000 đồng tiền làm thủ tục, vợ anh M tên Nguyễn Thị Bích L2 chuyển khoản trả cho anh 175.000.000 đồng, còn 320.000.000 đồng tiền vay chưa trả.

Nay anh yêu cầu anh **M** trả tiền vốn vay 320.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Số tiền này không yêu cầu vợ anh **M** cùng trả.

- *Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Hùng M, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu L trình bày:*

Anh **M** không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh **Đ**. Lý do anh **M** đã trả xong khoản tiền 320.000.000 đồng cho anh **Đ**, đưa tiền cho chị **D** (vợ của anh **Đ**). Khi trả tiền không có giấy tờ, không ai biết. Lý do không lấy lại Giấy mượn tiền bản chính vì lúc đó chị **D** không giữ giấy. Do đã thanh toán xong tiền vay mượn nên tháng 12/2022, khi làm thủ tục bán xe anh **Đ** vẫn thanh toán đủ số tiền mua bán xe cho anh **M** mà không trừ lại. Nếu anh **M** còn thiếu thì anh **Đ** phải trừ số tiền đó ra.

Đối với tiền anh **Đ** trả mua xe ô tô giá 800.000.000 đồng, anh **M** đã nhận ngày 01-6-2022 là 350.000.000 đồng; ngày 13-12-2022 là 205.000.000 đồng; ngày 14-12-2022 là 395.000.000 đồng. Tổng cộng anh **M** đã nhận là 950.000.000 đồng. Do còn dư 150.000.000 đồng, cộng với chi phí làm giấy tờ xe nên vợ anh **M** mới chuyển trả lại cho anh **Đ** là 175.000.000 đồng. Đối với tiền mua bán xe giữa anh **Đ** với anh **M** đã thanh toán xong, không tranh chấp phần này.

- *Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Ngọc D trình bày:*

Chị **D** là vợ của anh **Đ**. Anh **M** là bạn bè làm ăn với anh **Đ**. Ngày 13-9-2022, anh **M** có hỏi vay anh **Đ** 320.000.000 đồng. Trong tài khoản anh **Đ** còn 200.000.000 đồng nên đã chuyển khoản cho anh **M**. Do còn thiếu 120.000.000 đồng nên anh **Đ** hỏi mượn chị số tiền này để cho anh **M** mượn. Chị đã trực tiếp giao cho anh **M** số tiền 120.000.000 đồng. Chị xác định số tiền 320.000.000 đồng là tiền của anh **Đ**, không liên quan đến chị. Chị trực tiếp chứng kiến anh **M** đến mượn anh **Đ** 320.000.000 đồng anh **Đ** kêu anh **M** viết giấy trước mặt chị, anh **M** không có đưa cho chị số tiền nào cả.

- *Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bạch L1 trình bày:*

Chị là vợ của anh **M**. Ngày 13-12-2022, anh **M** và chị cùng với anh **Đ** đến Ngân hàng V chi Nhánh T để làm thủ tục lấy giấy đăng ký xe Ford biển số 70C-164.52 để làm thủ tục mua bán với anh **Đ** theo Giấy đặt cọc ngày 01-6-2022. Anh **Đ** có trách nhiệm làm thủ tục sang tên xe theo quy định pháp luật. Theo thỏa thuận ngày 13-12-2022, anh **Đ** phải chuyển cho anh **M** số tiền 205.000.000 đồng để thanh toán tiền cho Ngân hàng và lấy giấy xe ra làm thủ tục sang tên. Anh **Đ** thống nhất xuất hóa đơn và làm thủ tục sang tên xe cho anh Nguyễn Hoàng H. Tổng cộng, tiền mua bán xe anh **Đ** đã chuyển cho anh **M** là 950.000.000 đồng. Do còn dư 150.000.000 đồng và phụ làm giấy tờ 25.000.000 đồng nên chị đã chuyển khoản trả lại cho anh **Đ** 175.000.000 đồng.

Như vậy, thời điểm ngày 14-12-2022, nếu anh **M** còn thiếu anh **Đ** 320.000.000 đồng tại sao anh **Đ** không trừ nợ mà thậm chí còn trả dư số tiền

mua bán xe. Chị và anh **M** là vợ chồng nhưng làm ăn riêng. Do đó, số tiền anh **M** vay và bán xe cho anh **D** không liên quan đến chị.

* Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành đã quyết định;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Thành D** đối với anh **Nguyễn Hùng M**.

- Buộc anh **Nguyễn Hùng M** có nghĩa vụ trả cho anh **Phạm Thành D** số tiền vốn vay là 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận anh **D** không yêu cầu tính lãi.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 26-9-2023, anh **Nguyễn Hùng M**, chị **Nguyễn Thị Bạch L1** kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị **L1** rút yêu cầu kháng cáo.

Ông **L** (đại diện cho anh **M**) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh **D** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Phần tranh luận:*

- Ông **L** trình bày: anh **M** thừa nhận có vay của anh **D** số tiền 320.000.000 đồng nhưng đã trả xong, trả cho chị **D** vợ của anh **D**, khi trả tiền không có giấy tờ, không ai biết, không lấy lại giấy nợ nay anh **D** sử dụng giấy nợ cũ đi kiện anh **M**. Trong thời điểm này, anh **M** có bán xe ô tô cho anh **D** nếu cho rằng anh **M** còn nợ tại sao anh **D** không trừ mà còn trả dư tiền cho anh **M**.

Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh **M**, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **D**; sửa án sơ thẩm.

- Anh **D** trình bày: anh **M** không có trả số tiền nào cho vợ anh, lý do anh chuyển trả tiền vào tài khoản dư cho anh **M** là vì xe của anh **M** đăng ký tên doanh nghiệp, muốn bán phải xuất hoá đơn nên buộc anh phải chuyển tiền theo yêu cầu của anh **M** để anh **M** xuất hoá đơn cho người mua.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 308 của của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh **M**; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh **M** kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị **L1** rút kháng cáo căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Toà án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của chị **L1**.

[3] Về nội dung: anh **D** khởi kiện yêu cầu anh **M** trả số tiền vốn vay 320.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn anh **M** xác định đã trả xong toàn bộ số tiền vay của anh **D** nên không chấp nhận khởi kiện của anh **D**.

[4] Xét kháng cáo của anh **M** thấy rằng:

[3.1] Về chứng cứ: trong quá trình giải quyết vụ án, anh **D** có xuất trình giấy tay vay nợ nội dung anh **M** vay của anh **D** số tiền 320.000.000 đồng, có dấu vân tay và chữ ký của anh **M**. Anh **M** thừa nhận nên đây là chứng cứ không cần chứng minh. Tuy nhiên, anh **M** cho rằng số tiền này anh đã trả cho anh **D** giao bằng tiền mặt cho chị **D** (vợ anh **D**) nhưng không làm giấy tờ và cũng không lấy lại giấy nợ. Vợ chồng anh **D**, chị **D** không thừa nhận, anh **M** cũng không có chứng cứ gì khác chứng minh cho lời trình bày của anh.

[3.2] Tại phiên tòa, ông **L** cho rằng khi bán xe cho anh **D** giá 800.000.000 đồng, anh **D** trả trước cho anh bằng tiền mặt 350.000.000 đồng và chuyển khoản cho anh 600.000.000 đồng, tổng cộng 950.000.000 đồng, thừa 150.000.000 đồng, cộng với tiền làm giấy tờ xe 25.000.000 đồng, anh chuyển trả lại anh **D** số tiền thừa 175.000.000 đồng, nếu như anh còn nợ anh **D** 320.000.000 đồng tại sao anh **D** không khấu trừ mà lại trả thừa tiền cho anh. Nhận thấy, việc thanh toán giữa anh **D** và anh **M** trong hợp đồng mua bán xe ô tô các đương sự không tranh chấp và các lần trả tiền mua bán xe không có liên quan đến chứng từ thanh toán nợ anh **M** vay anh **D** số tiền 320.000.000 đồng, nên không có căn cứ xem xét.

[3.3] Vợ chồng anh **M** không có chứng cứ trả nợ, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **D**; buộc anh **M** phải có nghĩa vụ trả cho anh **D** số tiền vốn vay là 320.000.000 đồng là có căn cứ. Anh **M** kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên anh **M** phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng; chị **L1** rút kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 150.000 đồng theo quy định tại khoản 1, 6 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của chị **Nguyễn Thị Bạch L1**;
- Không chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Hùng M**;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 98/2023/DSST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các điều 463, 464, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” của anh Phạm Thành Đ đối với anh Nguyễn Hùng M;

Buộc anh **Nguyễn Hùng M** có nghĩa vụ trả cho anh **Phạm Thành Đ** số tiền 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận anh **Đ** không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh **Nguyễn Hùng M** phải chịu 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.
- Hoàn trả cho anh **Phạm Thành Đ** số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0021788 ngày 07/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm dân sự:

- Anh **Nguyễn Hùng M** phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0021862 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; (anh **M** đã nộp đủ án phí).
- Chị **Nguyễn Thị Bạch L1** phải chịu số tiền 150.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0021860 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả chị **L1** số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TX Hòa Thành;
- CCTHADS TX Hòa Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tâm